

Thursday, November 24th, 2022

Unit 7: Read

- _____ (a) khác với
- _____ (a) giống như
- _____ (a) tiện lợi
- _____ (a) ẩm ướt
- _____ (n) sự thoải mái
- _____ (a) thoải mái
- _____ (v) chú ý, bảng thông báo
- _____ (n) sự thay đổi
- _____ (n) chủ sở hữu
- _____ (n) việc kinh doanh, doanh nghiệp
- _____ (n) các mặt hàng
- _____ (v) cung cấp, đề nghị
- _____ (n) ảnh hưởng
- _____ (a) - wider: rộng
- _____ (n) sự lựa chọn
- _____ (n) sản phẩm
- _____ (n) giá cả
- _____ (n) cư dân
- _____ (v) quan tâm về
- _____ (v) tổ chức
- _____ (n) hợp hội đồng
- _____ = so as to : để mà
- _____ (v) thảo luận
- _____ (n) tình huống
- _____ (a) được trang bị máy lạnh
- _____ (n) máy lạnh
- _____ (n) hạ giá

